TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2025/QĐST-VDS	*Đắk Lắk, ngày 11 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v xác định phần quyền sỡ hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Lương Thị Ngọc.**

Thư ký phiên họp: **Ông Nguyễn Mậu Tuân** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên họp: **Ông Trần Minh Hoàng**: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 20/2025/TLST-VDS ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc "*Yêu cầu xác định phần quyền sỡ hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*" theo Quyết định mở phiên họp số 03/2025/QĐPH-VDS ngày 27 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Lê Quốc H – Chấp hành viên – Phòng THADS khu vực 10 – Đắk Lắk (Có mặt).

Địa chỉ: Số C L, thôn A, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Chu Thị M (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Chu Sỹ D (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký cư trú: Thôn L, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ – Cục C - Bộ C1. Xã C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu và quá trình giải quyết người yêu cầu ông Lê Quốc H trình bày: Chi cục THADS huyện K (nay là Phòng THADS khu vực 10) – Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thi hành bản án số 54/2024/DS – ST ngày 27/9/2024 của TAND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là TAND khu vực 10 – Đắk Lắk). Quyết định thi hành án số 363, 365/QĐ – CCTHADS ngày 10/12/2024 của Chi cục trưởng Chi cục THADS

huyện K (nay là Phòng THADS khu vực 10). Người phải thi hành án là bà Chu Thị M, trú tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk. Các khoản phải thi hành án: Phải trả cho ông Phạm Văn Á số tiền số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án.

Quá trình tổ chức thi hành án, chấp hành viên đã tống đạt quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà M không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh điều kiện thi hành án của bà M cho thấy bà M có tài sản chung với ông Chu Sỹ D gồm 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630 m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D. Các tài sản trên đất do bà M và ông D được nhận tặng cho, cùng tạo dựng nên. Bà M và ông D đã ly hôn theo quyết định số 131/2020/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2020 của TAND huyện Krông Năng (nay là TAND khu vực 10), khi ly hôn bà M và ông D chưa phân chia tài sản chung.

Ngày 16/5/2025 Chi cục THADS huyện K (nay là Phòng THADS khu vực 10) đã ban hành thông báo số 1133/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho bà M, ông D theo đó bà M, ông D có quyền thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện tại Tòa án để phân chia tài sản chung. Tuy nhiên hết thời hạn thông báo nhưng bà M và ông D không tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, chấp hành viên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là bà Chu Thị M trong khối tài sản chung với ông Chu Sỹ D đối với 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D và tài sản trên đất làm căn cứ để thi hành án đối với khoản tiền bà M còn nợ ông Phạm Văn Á.

Quá trình giải quyết, ông Chu Sỹ D trình bày: Ông và bà M đã ly hôn theo quyết định số 131/2020/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2020 của TAND huyện Krông Năng (nay là TAND khu vực 10), khi ly hôn bà M và ông D chưa phân chia tài sản chung. Tài sản chung của ông với bà M là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D và tài sản trên đất. Đến nay chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đắk Lắk yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà

Chu Thị M trong khối tài sản chung thì ông đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định.

Tại biên bản xác minh với UBND xã D, tỉnh Đắk Lắk xác định thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D có nguồn gốc nhận tặng cho đất và tài sản gắn liền với đất, hiện đang do bà M quản lý sử dụng và không có tranh chấp với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên họp trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của Chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 là có căn cứ và đúng qui định.

Về nội dung: Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến.

Sau khi mở phiên hop, ngày 12/12/2025 Tòa án nhận được yêu cầu xác minh thu thập, tài liệu chứng cứ số 02/YC-VKS-VDS đề ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát. Theo nội dung yêu cầu Viện kiểm sát cho rằng Toà án không xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu, đồng thời không có văn bản trả lời cho Viện kiểm sát. Do đó, Viện kiểm sát thấy rằng không đủ căn cứ để phát biểu quan điểm giải quyết vụ việc.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Lê Quốc H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc dân sự về "*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*" đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk của Chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk theo qui định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên họp, người yêu cầu ông Lê Quốc H có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị M vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chu Sỹ D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Việc triệu tập đương sự, tống đạt văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng qui định của pháp luật nên vẫn tiến hành phiên họp theo qui định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tài sản theo đơn yêu cầu đã được Chi cục THADS huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng THADS khu vực 10 – Đắk Lắk) xác minh là tài sản chung nhận tặng cho mang tên ông Chu Sỹ D và bà Chu Thị M. Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sỡ hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà M trong tài sản chung là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk mà không phải phân chia nên Tòa án không tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tài sản bị yêu cầu.

Bà Chu Thị M và ông Chu S đã ly hôn theo quyết định số 131/2020/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2020 của TAND huyện Krông Năng (nay là TAND khu vực 10), khi ly hôn bà M và ông D chưa phân chia tài sản chung. Chi cục THADS huyện K (nay là Phòng THADS khu vực 10) đã ban hành thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án cho bà M, ông D. Theo đó bà M, ông D có quyền thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên hết thời hạn thông báo nhưng bà M và ông D không tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Chấp hành viên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sỡ hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là bà Chu Thị M trong khối tài sản chung với ông Chu Sỹ D đối với 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D và tài sản trên đất làm căn cứ để thi hành án đối với khoản tiền bà M còn nợ ông Phạm Văn Á là có căn cứ.

Quá trình giải quyết ông Chu Sỹ D thừa nhận tài sản chung của ông với bà Chu Thị M là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630 m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D có nguồn gốc nhận tặng cho và chưa phân chia. Nay chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đắk Lắk yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà Chu Thị M trong khối tài sản chung thì ông đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định. Vì vậy, xác định tài sản được nhận tặng cho chung bà M và ông D, các bên cùng có chung công sức đóng góp, tôn tạo tài sản nên xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà M trong khối tài sản chung theo tỷ lệ 1/2 (một phần hai).

[3]. Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát về việc yêu cầu Tòa án thu thập, tài liệu chứng cứ, thấy rằng yêu cầu được đề nghị sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu nên không có căn cứ để thực hiện, xem xét tại phiên họp.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đ thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, các Điều 366, 370, 367, 372, 370, 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015;

Các Điều 29, 33, 59 Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự;

Khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chấp hành viên Lê Quốc H – Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đ về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

2. Xác định thửa đất số 06, tờ bản đồ số 31, diện tích 12.630m^2 tại thôn L, xã E, huyện K (nay là thôn L, xã D), tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BN 586965 ngày 22/4/2015 mang tên bà Chu Thị M và ông Chu Sỹ D và tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Chu Sỹ D và bà Chu Thị M. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Chu Thị M được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Phòng THADS khu vực 10 – THADS tỉnh Đ thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

4. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo qui định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
-Phòng THADS khu vực 10;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc